

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2022/HNGĐ-ST  
Ngày 14 – 02 – 2022  
V/v tranh chấp ly hôn và  
nuôi con chung

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Hồ Dũng Liêm.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Văn Hiên.

Bà Phạm Thị Hà.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Kim Thia là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi, tỉnh Cà Mau.

Ngày 14 tháng 02 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 314/2021/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 10 năm 2021 về việc “tranh chấp ly hôn và nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 412/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lâm Mỹ L, sinh năm 1989. Địa chỉ: Ấp Năm Đ, xã L, huyện C, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Lâm Đăng K, sinh năm 1988. Địa chỉ: Ấp T, xã Tân T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Nguyên đơn chị Lâm Mỹ L trình bày:*

- Về hôn nhân: Chị và anh K chung sống với nhau năm 2013, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân T, huyện Đ. Quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã nhau và đã ly thân từ năm 2018 đến nay. Nay chị nhận thấy không thể tiếp tục chung sống với anh K, tình cảm không còn nên yêu cầu được ly hôn với anh K.

- Về con chung: Có 01 con chung là Lâm Thịnh P, sinh ngày 19/11/2013, hiện đang sống cùng với anh K từ khi ly thân đến nay. Khi ly hôn chị L đồng ý giao con chung cho anh K tiếp tục nuôi dưỡng, cấp dưỡng không đặt ra.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Đối với anh Lâm Đăng K:* Từ khi thụ lý vụ án đến nay, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh K nhưng anh K không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của chị L và không tham gia hòa giải, xét xử.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng: Chị Lâm Mỹ L có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, anh Lâm Đăng K đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự là đúng quy định.

[2] Về hôn nhân: Chị L và anh K tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp, được pháp luật công nhận là vợ chồng. Theo chị L xác định quá trình chung sống anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã nhau và đã ly thân từ năm 2018 đến nay, từ nguyên nhân trên chị L nhận thấy không thể tiếp tục chung sống với anh K, tình cảm không còn nên yêu cầu được ly hôn với anh K. Đối với anh K không có ý kiến phản đối yêu cầu xin ly hôn của chị L cho thấy anh không có nguyện vọng để hòa giải, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét mâu thuẫn của anh chị đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình cho chị L được ly hôn với anh K là phù hợp và đúng quy định của pháp luật.

[3] Về con chung: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án không thể thực hiện việc ghi nguyện vọng của Lâm Thịnh P nên Hội đồng xét xử xem xét giao con chung cho cha hoặc mẹ căn cứ vào quyền lợi mọi mặt của con. Xét thấy hiện nay cháu P đang sống cùng với anh K từ khi anh chị ly thân, đồng thời anh K không có ý kiến gì về vấn đề nuôi con chung. Do đó để tiếp tục ổn định cuộc sống và đảm bảo quyền lợi tốt nhất cho con chung, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình giao Lâm Thịnh P cho anh Lâm Đăng K tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là phù hợp.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét; trường hợp có phát sinh tranh chấp về vấn đề này sẽ được xem xét, giải quyết bằng vụ án khác.

[4] Về tài sản chung: Chị L xác định tự thỏa thuận; về nợ chung: chị L xác định không có, anh K không có ý kiến gì nên không đặt ra xem xét, trường hợp có phát sinh tranh chấp về các vấn đề này sẽ được xem xét, giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Theo khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị L phải chịu 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 1, 3 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Lâm Mỹ L được ly hôn với anh Lâm Đăng K.
2. Về con chung: Giao Lâm Thịnh P, sinh ngày 19/11/2013 cho anh Lâm Đăng K tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục, việc cấp dưỡng nuôi con không đặt ra.

Chị Lâm Mỹ L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Lâm Mỹ L phải chịu 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011798 ngày 20/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi, chị L đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- UBND xã Tân T, huyện Đ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

**Hồ Dũng Liêm**



